

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Vùng chuyên canh cây điều tập trung nhiều ở

- A. Đông Nam Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ.
- B. Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.
- D. Tây Nguyên, Đông Nam Bộ.

Câu 2. Xu hướng phát triển du lịch được chú trọng ở nước ta hiện nay là

- A. du lịch bền vững, du lịch thông minh.
- B. đa dạng loại hình, chuyển đổi số.
- C. phát triển ổn định, tăng trưởng xanh.
- D. mở rộng thị trường, du lịch ảo.

Câu 3. Nhân tố chủ yếu làm thay đổi cơ cấu lao động theo thành phần kinh tế ở nước ta theo hướng tích cực là

- A. tăng trưởng kinh tế, đa dạng hoá sản xuất.
- B. đô thị hoá và thu hút đầu tư nước ngoài
- C. quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá.
- D. sự hội nhập nền kinh tế quốc tế, khu vực.

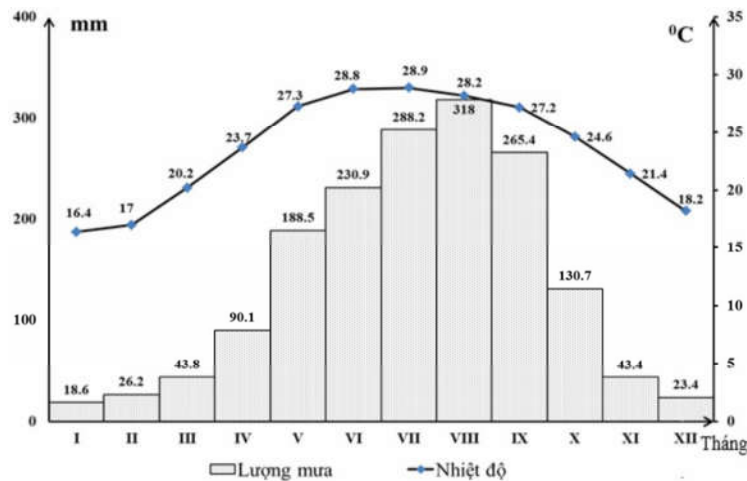
Câu 4. Vịnh Vân Phong thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ được quy hoạch thành cảng trung chuyển lớn nhất nước ta dựa trên cơ sở chủ yếu nào sau đây?

- A. Cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng, vịnh biển sâu rộng, kín gió.
- B. Cơ sở hạ tầng tương đối tốt, cửa ngõ ra biển của các nước láng giềng.
- C. Gần các tuyến hàng hải quốc tế, cơ sở hạ tầng tương đối tốt.
- D. Vịnh biển sâu rộng và kín gió, gần các tuyến hàng hải quốc tế.

Câu 5. Loại năng lượng nào sau đây ở nước ta thuộc năng lượng hoá thạch?

- A. Điện mặt trời.
- B. Điện gió.
- C. Điện sinh khối.
- D. Dầu thô.

Câu 6. Cho biểu đồ sau:



BIỂU ĐỒ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA Ở HÀ NỘI

(Số liệu theo SGK Địa lí Nâng cao, trang 48)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng với đặc điểm nhiệt độ và lượng mưa của Hà Nội?

- A. Biên độ nhiệt năm lớn, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.
- B. Biên độ nhiệt năm lớn, mưa chủ yếu vào mùa đông.
- C. Biên độ nhiệt năm nhỏ, có 2 - 3 tháng mùa đông lạnh.
- D. Biên độ nhiệt năm nhỏ, mưa chủ yếu vào mùa hạ.

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng với tình hình phát triển và phân bố của ngành ngoại thương ở nước ta hiện nay?

- A. Thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu là các quốc gia Đông Nam Á.
- B. Khoáng sản là mặt hàng xuất khẩu chủ lực ở nước ta hiện nay.
- C. Chú trọng vào việc xuất khẩu các mặt hàng có giá thành cao.

Tín phong ở Việt Nam là loại gió thổi thường xuyên quanh năm. Tuy nhiên, hoạt động của gió mùa đã lấn át làm cho Tín phong tác động không rõ vào mùa đông và mùa hạ. Trong thời gian chuyển tiếp giữa hai mùa gió, tác động của Tín phong trở nên rõ rệt.

- a) Tín phong bán cầu Bắc kết hợp bức chắn địa hình là nhân tố gây mưa cho ven biển Trung Bộ.
- b) Tín phong hoạt động trên lãnh thổ nước ta chỉ có nguồn gốc từ áp cao chí tuyến bán cầu Bắc.
- c) Kiểu thời tiết ẩm áp, hanh khô trong mùa đông ở miền Bắc do nguyên nhân chính là Tín phong.
- d) Tín phong bán cầu Nam là nhân tố chính tạo nên mùa khô ở Tây Nguyên và Nam Bộ.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Đọc bờ biển nước ta có nhiều vũng, vịnh, đầm phá và các cánh rừng ngập mặn, có nhiều hệ thống sông, cửa sông ra biển, tạo thuận lợi để hình thành các bãi tôm, cá và nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ và nước ngọt.

- a) Môi trường rạn san hô ở vùng biển nước ta là nơi thuận lợi cho sự trú ngụ và sinh sống của nhiều loại thủy sản.
- b) Đọc bờ biển nước ta có nhiều bãi triều, đầm, phá, các cánh rừng ngập mặn là môi trường thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước mặn và nước ngọt.
- c) Nguồn lợi thủy sản phong phú và đa dạng là điều kiện chủ yếu để phát triển ngành nuôi trồng thủy sản ở nước ta.
- d) Nghề cá nội địa ở nước ta có điều kiện thuận lợi là nguồn thủy sinh phong phú, đa dạng từ hệ thống sông ngòi dày đặc, nhiều ao hồ, vùng trũng ở đồng bằng.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, địa hình thấp, bằng phẳng, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Vùng có ba loại đất chính: Đất phù sa sông có diện tích khoảng hơn 1 triệu ha, phân bố dọc sông Tiền, sông Hậu, là loại đất tốt, màu mỡ, thích hợp trồng lúa và các loại cây trồng khác.

- a) Để cải tạo đất ở Đồng bằng sông Cửu Long cần sử dụng các loại phân bón thích hợp, bổ sung dinh dưỡng cho đất.
- b) Loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là đất phù sa.
- c) Diện tích đất phèn, đất mặn lớn gây khó khăn cho sản xuất nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long.
- d) Để đáp ứng nhu cầu sản xuất của ngành trồng trọt, giải pháp quan trọng nhất là cải tạo đất cho Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 4. Cho bảng số liệu: **TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU VÀ NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2022**

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2010	2015	2020	2022
Xuất khẩu	72,2	162,0	282,6	371,3
Nhập khẩu	84,8	165,7	261,8	358,9

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2022)

- a) Trị giá xuất khẩu có tốc độ tăng chậm hơn trị giá nhập khẩu trong giai đoạn 2010 - 2022.
- b) Giá trị nhập khẩu tăng khá mạnh do nhu cầu lớn về nguyên, nhiên liệu, máy móc phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng.
- c) Tổng trị giá xuất khẩu nhập khẩu hàng hóa của nước ta, giai đoạn 2010 - 2022 liên tục tăng.
- d) Giải pháp chủ yếu để đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu ở nước ta hiện nay là sản xuất số lượng lớn, nhiều ngành tham gia.

PHẦN III. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

Câu 1. Biết trên đỉnh núi Pu-xai-lai-leng cao 2 711 m đang có nhiệt độ là 14,5 °C thì trong cùng thời điểm đó nhiệt độ ở độ cao 1111 m (sườn khuất gió) nhiệt độ sẽ là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2. Cho bảng số liệu: Tình hình xuất khẩu của nước ta, giai đoạn 2018 - 2022

Năm	2018	2019	2020	2022
Giá trị xuất khẩu (Nghìn tỉ đồng)	5 917	6 563	6 787	8 941
Tỷ trọng giá trị xuất khẩu trong cơ cấu xuất nhập khẩu (%)	51,27	51,71	51,69	50,61

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, Tổng cục Thống kê)

Hãy cho biết, cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2022 là bao nhiêu nghìn tỉ đồng? (làm tròn đến hàng đơn vị của nghìn tỉ đồng)

Câu 3. Theo niên giám thống kê năm 2023, Duyên hải Nam Trung Bộ có tổng sản lượng hải sản là 1181,3 nghìn tấn, trong đó cá biển chiếm tới 90,4%. Tính sản lượng cá biển của vùng DHNTB năm 2023. (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn tấn).

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SẢN LƯỢNG LÚA Ở CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA, NĂM 2021

Vùng	Diện tích (nghìn ha)	Sản lượng (nghìn tấn)
Đồng bằng sông Hồng	970,3	6020,4
Trung du và miền núi Bắc Bộ	662,2	3426,5
Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ	1198,7	7200,2
Tây Nguyên	250,2	1466,3
Đông Nam Bộ	258,9	1411,8
Đồng bằng sông Cửu Long	3898,6	24327,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, <https://www.gso.gov.vn>)

Cho biết năng suất lúa của Đồng bằng sông Cửu Long gấp bao nhiêu lần Trung du và miền núi Bắc Bộ? (làm tròn kết quả đến 1 chữ số thập phân)

Câu 5. Cho bảng số liệu:

LƯU LƯỢNG DÒNG CHAY THÁNG TẠI TRẠM CỬNG SƠN TRÊN SÔNG ĐÀ RẰNG

(Đơn vị: m³)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lưu lượng	129	77	47	45	85	170	155	250	366	682	935	332

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, NXB Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch tổng lưu lượng nước mùa lũ cao hơn tổng lưu lượng nước mùa cạn là bao nhiêu m³? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của m³)

Câu 6. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, dân số Việt Nam ước tính là 99 186 471 người, có 1 418 890 trẻ được sinh ra, 681 157 người chết. Vậy tỉ suất gia tăng dân số Việt Nam năm 2023 là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ hai).

---HẾT---